TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích N

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Trung L

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Giang Ngọc H, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 760/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 788/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1996

Nơi cư trú: khu phố A, phường H, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông Nguyễn Công L, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: số F, đường N, khu phố E, phường Đ, (Nay là phường L) thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Công L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào ngày 22/5/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 35. Bà và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu bất đồng quan điểm về kinh tế, về con chung con riêng, bà và ông L đều có con riêng nên không thể hòa hợp sống chung với nhau trong gia đình. Sau khi sinh con, bà về ở nhà mẹ ruột ở khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Từ khi bà sắp sinh con cho đến nay vợ chồng đã tự sống riêng, mỗi lần con bệnh là ông L quấy rối, la mắng người thân bà, bà không muốn sống với ông L, rất áp lực, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công L. Về con chung: ông bà có 01 con chung là: Nguyễn Võ Công L1 (giới tính: nam), sinh ngày 28/5/2023. Sau ly

hôn, nguyện vọng bà muốn được trực tiếp nuôi con chung. Bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung: ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Công L đã nhận các văn bản của Tòa án, gởi bản tự khai thể hiện ý kiến của mình, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/11/2024, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và biết ngày 23/12/2024 Tòa án mở phiên tòa để giải quyết việc bà S yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đến Tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L tham gia cả 02 phiên Hòa giải do Tòa án tiến hành nhưng đến lần hòa giải ngày 03/12/2024, ông L có tham gia và tự ý bỏ về không trình bày ý kiến gì thêm. Tại phiên hòa giải ngày 18/11/2024, ý kiến của ông là không đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung Nguyễn Võ Công L1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71; Bị đơn không thực hiện đúng Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về hôn nhân, bà Võ Thị Thu S được ly hôn ông Nguyễn Công L, về con chung, giao con chưa thành niên Nguyễn Võ Công L1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này, về tài sản và nợ chung bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét. Về án phí bà Võ Thị Thu S và ông Nguyễn Công L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Võ Thị Thu S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công L có nơi cư trú tại thành phố P; về con chung ông bà có 01 con chung là: Nguyễn Võ Công L1 (giới tính: nam), sinh ngày 28/5/2023.

Đây là vụ kiện "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan T quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, hòa giải, ra Quyết định xét xử… nguyên đơn, bị đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, gởi và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Võ Thị Thu S và ông Nguyễn Công L tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2023, ngày 22/5/2023 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: bà S cho rằng, hôn nhân giữa bà và ông L không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông bà đã tự sống riêng từ khi bà mang bầu. Bà sinh con và ở nhà mẹ ruột từ đó đến nay, hiện nay con chung đã hơn 01 tuổi ông bà vẫn không thể hàn gắn để về sống chung, ông L coi thường bà, đến nhà bà thăm con, to tiếng, làm phiền gia đình bà, vợ chồng thực tế chỉ còn gắn kết vì tờ Đăng ký kết hôn, bà không còn chút tình cảm nào với ông L không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về cách chăm con và kinh tế, không mang lại hạnh phúc cho nhau, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, bà tha thiết yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà được ly hôn.

HĐXX xét thấy thực tế ông bà đã không sống chung kể từ thời điểm bà S mang bầu, sinh con, không thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại các buổi hòa giải ông L vẫn tỏ thái độ coi thường bà S, đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, gia đình không hạnh phúc nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S với ông L theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 01 con chung là: Nguyễn Võ Công L1 (giới tính: nam), sinh ngày 28/5/2023. Nguyện vọng bà S sau ly hôn muốn được trực tiếp nuôi con chưa thành niên, ông L cũng đồng ý nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng giao con chung Nguyễn Võ Công L1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà S yêu cầu ông L cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông L tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng mỗi tháng; HĐXX xét việc tự nguyện cấp dưỡng của ông L, tạo điều kiện cho bà S có thêm điều kiện về vật chất để chăm sóc con chung nên đồng ý mức cấp dưỡng mà ông L tự nguyện.

Ông Nguyễn Công L phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Võ Công L1 (giới tính: nam), sinh ngày 28/5/2023, mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: do bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà Võ Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; ông Nguyễn Công L phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu S đối với ông Nguyễn Công L. Bà Võ Thị Thu S được ly hôn ông Nguyễn Công L.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là: Nguyễn Võ Công L1 (giới tính: nam), sinh ngày 28/5/2023.

Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Võ Công L1 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Ông Nguyễn Công L phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Võ Công L1 mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông L được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Võ Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: Võ Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Ngày 30/10/2024 bà S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002267 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển sang án phí, án phí bà S đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Công L phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Thu S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/01/2025), bị đơn ông Nguyễn Công L vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Thiết;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích N

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Lê Phong Nguyễn B	**Nguyễn Thị Bích N**